

Thuật ngữ Tiêu chuẩn GRI 2025

Thuật ngữ Tiêu chuẩn GRI 2025

Các thuật ngữ và định nghĩa trong Bảng Thuật ngữ của Bộ Tiêu chuẩn GRI được áp dụng trong bối cảnh sử dụng Bộ tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển Bền vững GRI (Bộ Tiêu chuẩn GRI). Tất cả các thuật ngữ có định nghĩa đều được gạch chân. Nếu một thuật ngữ không được định nghĩa trong Bảng Thuật ngữ của Bộ Tiêu chuẩn GRI hoặc trong phần Bảng Thuật ngữ của một Tiêu chuẩn GRI cụ thể, thì sẽ áp dụng các định nghĩa thường được sử dụng và hiểu.

Trách nhiệm

Tiêu chuẩn này được [Hội đồng Tiêu chuẩn Phát triển Bền vững Toàn cầu \(GSSB\)](#) ban hành. Vui lòng gửi mọi ý kiến phản hồi về Bộ Tiêu chuẩn GRI tới gssbsecretariat@globalreporting.org để GSSB xem xét.

Quy trình Hợp lệ

Tài liệu này được xây dựng vì lợi ích cộng đồng và phù hợp với các yêu cầu trong Quy trình Hợp lệ của GSSB. Tài liệu này được xây dựng dựa trên chuyên môn của nhiều bên liên quan, có tham khảo các văn bản liên chính phủ cần tuân thủ và kỳ vọng phổ biến của các tổ chức về trách nhiệm xã hội, môi trường và kinh tế.

Trách nhiệm pháp lý

Tài liệu này nhằm mục đích hỗ trợ việc báo cáo phát triển bền vững và đã được Hội đồng Tiêu chuẩn Phát triển Bền vững Toàn cầu (GSSB) xây dựng thông qua quy trình tham vấn đa bên độc đáo với sự tham gia của đại diện từ các tổ chức và người dùng thông tin báo cáo trên toàn thế giới. Trong khi Hội đồng Giám sát GRI, Ban Quản lý và GSSB khuyến khích mọi tổ chức sử dụng Bộ tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển Bền vững GRI (Bộ Tiêu chuẩn GRI) và các Diễn giải có liên quan, thì việc chuẩn bị và công bố các báo cáo dựa hoàn toàn hoặc một phần vào Bộ Tiêu chuẩn GRI và các Diễn giải có liên quan hoàn toàn là trách nhiệm của người lập báo cáo. Hội đồng Quản trị GRI, GSSB và tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) Stichting không chịu trách nhiệm về bất kỳ hậu quả hoặc thiệt hại nào phát sinh trực tiếp hoặc gián tiếp từ việc sử dụng Bộ Tiêu chuẩn GRI và các Diễn giải có liên quan trong quá trình lập báo cáo hoặc việc sử dụng báo cáo dựa vào Bộ Tiêu chuẩn GRI và các Diễn giải có liên quan.

Thông báo về bản quyền và nhãn hiệu

Tài liệu này được tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) Stichting bảo vệ bản quyền. Được phép sao chép và phân phối tài liệu này để cung cấp thông tin và/hoặc sử dụng trong quá trình lập báo cáo phát triển bền vững mà không cần GRI cho phép trước khi thực hiện. Tuy nhiên, không được phép sao chép, lưu trữ, dịch hoặc chuyển giao tài liệu này hoặc bất kỳ trích đoạn nào từ tài liệu này dưới bất kỳ hình thức hoặc phương tiện nào (điện tử, cơ học, photocopy, ghi âm hoặc cách khác) cho bất kỳ mục đích nào khác nếu không có văn bản cho phép của GRI trước khi thực hiện.

Tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu, GRI và logo, GSSB và logo, cũng như Bộ tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển Bền vững GRI (Bộ Tiêu chuẩn GRI) và logo là các nhãn hiệu của tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) Stichting.

Bảng Thuật ngữ

?

ủy ban chính thức về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp giữa người sử dụng lao động và người lao động (formal joint management-worker health and safety committee)

ủy ban gồm đại diện của người sử dụng lao động và các đại diện của người lao động, có chức năng được tích hợp vào cơ cấu tổ chức và hoạt động theo các văn bản chính sách, thủ tục và quy tắc đã được thống nhất, đồng thời giúp tạo điều kiện cho người lao động tham gia và tham vấn về các vấn đề liên quan đến an toàn và sức khỏe nghề nghiệp

B

bên liên quan (stakeholder)

cá nhân hoặc nhóm có lợi ích bị ảnh hưởng hoặc có thể bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của tổ chức

Nguồn: Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Hướng dẫn Thẩm định về Hành vi Kinh doanh có Trách nhiệm của OECD*, 2018; đã sửa đổi

Ví dụ: đối tác kinh doanh, tổ chức xã hội dân sự, người tiêu dùng, khách hàng, nhân viên và người lao động khác, chính phủ, cộng đồng địa phương, tổ chức phi chính phủ, cổ đông và nhà đầu tư khác, nhà cung cấp, công đoàn, nhóm dễ bị tổn thương

Lưu ý: Hãy xem mục 2.4 trong GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021 để biết thêm thông tin về “bên liên quan”.

bên thứ ba về nước (third-party water)

các nhà cung cấp nước đô thị và các nhà máy xử lý nước thải đô thị, các tiện ích công cộng hoặc tư nhân và các tổ chức khác tham gia vào việc cung cấp, vận chuyển, xử lý, thải bỏ hoặc sử dụng nước và nước thải

biện pháp sửa chữa / biện pháp khắc phục (remedy / remediation)

các biện pháp chống lại hoặc khắc phục tác động tiêu cực hoặc thực hiện biện pháp sửa chữa

Nguồn: Liên hợp quốc (LHQ), *Trách nhiệm Tôn trọng Quyền Con người của Doanh nghiệp: Hướng dẫn Diễn giải*, 2012; đã sửa đổi

Ví dụ: lời xin lỗi, bồi thường tài chính hoặc phi tài chính, ngăn ngừa tác hại thông qua lệnh của tòa án hoặc đảm bảo không tái diễn, các biện pháp trừng phạt (bắt kể hình sự hay hành chính, chẳng hạn như tiền phạt), hoàn trả, phục hồi, cải tạo

C

các biện pháp tuần hoàn (circularity measures)

những biện pháp được thực hiện nhằm duy trì giá trị của sản phẩm, vật liệu và tài nguyên, đồng thời đưa chúng trở lại sử dụng trong thời gian lâu nhất có thể, với dấu chân carbon và tài nguyên thấp nhất có thể, qua đó giảm thiểu việc khai thác nguyên liệu thô, tài nguyên mới và ngăn ngừa phát sinh chất thải

các luật và các quy định về môi trường (environmental laws and regulations)

các luật và quy định liên quan đến tất cả các loại vấn đề về môi trường áp dụng cho tổ chức

Lưu ý 1: Các vấn đề về môi trường có thể bao gồm các vấn đề như khí thải, nước thải và chất thải, cũng như việc sử dụng vật liệu, năng lượng, nước và tính đa dạng sinh học.

Lưu ý 2: Các luật và quy định về môi trường có thể bao gồm các thỏa thuận tự nguyện mang tính ràng buộc với các cơ quan quản lý và được lập ra để thay thế cho việc thực hiện quy định mới.

Lưu ý 3: Các thỏa thuận tự nguyện có thể được áp dụng nếu tổ chức trực tiếp tham gia vào thỏa thuận hoặc cơ quan công quyền áp dụng thỏa thuận này cho các tổ chức trong vùng lãnh thổ của mình thông qua luật pháp hoặc quy định.

cacbon đioxit (CO₂) tương đương (carbon dioxide (CO₂) equivalent)

đơn vị đo phổ biến để biểu thị chỉ số tiềm năng làm nóng lên toàn cầu (GWP) của mỗi loại khí nhà kính (KNK), được thể hiện bằng GWP của một đơn vị cacbon đioxit.

Nguồn: Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì sự Phát triển Bền vững (WBCSD), *Hướng dẫn về Phạm vi 2 của Nghị định thư KNK*, 2015 và *Tiêu chuẩn Chuỗi Giá trị Doanh nghiệp (Phạm vi 3) của Nghị định thư KNK*, 2011

Lưu ý: CO₂ tương đương của một loại khí được xác định bằng cách nhân số tấn khí với GWP tương ứng.

cacbon đioxit (CO₂) tương đương * (carbon dioxide (CO₂) equivalent *)

đơn vị đo dùng để so sánh mức phát thải của nhiều loại Khí nhà kính (KNK) khác nhau Dựa trên chỉ số tiềm năng làm nóng lên toàn cầu (GWP)

Lưu ý: CO₂ tương đương của một loại khí được xác định bằng cách nhân số tấn khí với GWP tương ứng.

** Xin lưu ý là thuật ngữ này sẽ được cập nhật sau ngày có hiệu lực của GRI 102: Biến đổi Khí hậu 2025 và GRI 103: Năng lượng 2025, từ ngày 1 tháng 1 năm 2027. Vui lòng xem GRI 102/103 để biết thuật ngữ được cập nhật.*

căng thẳng về nước (water stress)

khả năng hoặc thiếu khả năng đáp ứng nhu cầu nước của con người và sinh thái

Nguồn: Nhiệm vụ của CEO về Nước, *Hướng dẫn Công bố Thông tin về Nước của Doanh nghiệp*, 2014

Lưu ý 1: Căng thẳng về nước có thể liên quan đến tính sẵn có, chất lượng hoặc khả năng tiếp cận nước.

Lưu ý 2: Căng thẳng về nước dựa vào các yếu tố chủ quan và được đánh giá khác nhau tùy thuộc vào các giá trị xã hội, chẳng hạn như mức độ phù hợp để uống của nước hoặc các yêu cầu để đáp ứng hệ sinh thái.

Lưu ý 3: Căng thẳng về nước trong một khu vực có thể được đo ở mức tối thiểu là cấp lưu vực.

CFC11 (trichlorofluoromethane) tương đương (CFC11 (trichlorofluoromethane) equivalent)

đơn vị đo dùng để so sánh các loại chất dựa trên tiềm năng làm suy giảm tầng ô-zôn (ODP)

Lưu ý: Mức tham chiếu 1 là tiềm năng làm suy giảm tầng ô-zôn của CFC-11 (trichlorofluoromethane) và CFC-12 (dichlorodifluoromethane).

chấn thương hoặc bệnh tật liên quan đến công việc (work-related injury or ill health)

tác động tiêu cực đến sức khỏe phát sinh từ việc phơi nhiễm với các mối nguy tại nơi làm việc

Nguồn: Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *Hướng dẫn về Hệ thống Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp, ILO-OSH 2001*, 2001; đã sửa đổi

Lưu ý 1: “Bệnh tật” chỉ tình trạng sức khỏe bị tổn hại và bao gồm bệnh, ốm đau và các chứng rối loạn. Các thuật ngữ “bệnh”, “ốm đau” và “chứng rối loạn” thường được sử dụng thay thế cho nhau và đề cập đến các tình trạng có triệu chứng và chẩn đoán cụ thể.

Lưu ý 2: Chấn thương và bệnh tật liên quan đến công việc là những hệ quả phát sinh do phơi nhiễm với các mối nguy trong công việc. Có thể xảy ra các loại sự cố khác không liên quan đến công việc. Ví dụ, những sự cố sau đây không được coi là liên quan đến công việc:

- người lao động bị đau tim khi đang làm việc nhưng không liên quan đến công việc;
- người lao động lái xe đi làm hoặc về nhà bị thương trong một vụ tai nạn (khi việc lái xe không phải vì công việc và khi việc đi lại không phải do người sử dụng lao động sắp xếp);
- người lao động mắc bệnh động kinh lên cơn động kinh khi đang làm việc nhưng không liên quan đến công việc.

Lưu ý 3: *Đi công tác*: Chấn thương và bệnh tật xảy ra khi người lao động đang đi công tác được coi là liên quan đến công việc nếu tại thời điểm xảy ra chấn thương và bệnh tật, người lao động đang tham gia vào các hoạt động công việc “vì lợi ích của người sử dụng lao động”. Ví dụ về các hoạt động như vậy bao gồm việc di chuyển đến và đi từ nơi gặp gỡ khách hàng; thực hiện nhiệm vụ công việc; và tiếp đãi hoặc được tiếp đãi để giao dịch, thảo luận hoặc thúc đẩy kinh doanh (theo chỉ đạo của người sử dụng lao động).

Làm việc tại nhà: Chấn thương và bệnh tật xảy ra khi làm việc tại nhà có liên quan đến công việc nếu chấn thương và bệnh tật đó xảy ra khi người lao động đang làm việc tại nhà và thương tích hoặc bệnh tật đó liên quan trực tiếp đến việc thực hiện công việc chứ không phải do môi trường hoặc bối cảnh chung tại nhà

Bệnh tâm thần: Một bệnh tâm thần được coi là liên quan đến công việc nếu người lao động tự nguyện thông báo và có ý kiến của chuyên gia chăm sóc sức khỏe được cấp phép đã qua đào tạo và có kinh nghiệm phù hợp hỗ trợ, cho biết rằng bệnh đó liên quan đến công việc.

Để biết thêm hướng dẫn về cách xác định “mức độ liên quan đến công việc”, hãy xem tiêu chuẩn *Xác định mức độ liên quan đến công việc 1904.5* của Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp Hoa Kỳ, https://www.osha.gov/pls/oshaweb/owadisp.show_document?p_table=STANDARDS&p_id=9636, truy cập ngày 1 tháng 6 năm 2018.

Lưu ý 4: Các thuật ngữ “nghề nghiệp” và “liên quan đến công việc” thường được sử dụng thay thế cho nhau.

chấn thương hoặc bệnh tật liên quan đến công việc phải ghi nhận (recordable work-related injury or ill health)

chấn thương hoặc bệnh tật liên quan đến công việc dẫn đến bất kỳ tình trạng nào sau đây: tử vong, nghỉ làm nhiều ngày, hạn chế làm việc hoặc chuyển sang công việc khác, điều trị y tế vượt mức sơ cứu hoặc mất ý thức; hoặc chấn thương hay bệnh tật nghiêm trọng theo chẩn đoán của bác sĩ hoặc chuyên gia chăm sóc sức khỏe được cấp phép khác, ngay cả khi không dẫn đến tử vong, nghỉ làm nhiều ngày, hạn chế công việc hoặc chuyển công việc, điều trị y tế vượt mức sơ cứu hoặc mất ý thức

Nguồn: Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp Hoa Kỳ (OSHA), *Tiêu chí ghi chép chung 1904.7*, https://www.osha.gov/pls/oshaweb/owadisp.show_document?p_table=STANDARDS&p_id=9638, truy cập ngày 1 tháng 6 năm 2018; đã sửa đổi

chấn thương liên quan đến công việc có hậu quả nghiêm trọng (high-consequence work-related injury)

chấn thương liên quan đến công việc dẫn đến tử vong hoặc chấn thương khiến người lao động không thể, không hoặc dự kiến sẽ không hồi phục hoàn toàn về tình trạng sức khỏe trước khi bị thương trong vòng sáu tháng

chất phá hủy tầng ô-zôn (ODS) (ozone-depleting substance (ODS))

chất có chỉ số phá hủy tầng ô-zôn (ODP) lớn hơn 0 mà có thể phá hủy tầng ô-zôn bình lưu

Lưu ý: Hầu hết ODS đều được kiểm soát theo *Nghị định thư Montreal về Chất Phá hủy Tầng Ô-zôn 1987* của Chương trình Môi trường Liên hợp Quốc (UNEP), và các bản sửa đổi nghị định thư, và bao gồm các chất chlorofluorocarbon (CFC), hydrochlorofluorocarbon (HCFC), halon và methyl bromide.

chất thải (waste)

bất kỳ thứ gì mà người sở hữu loại bỏ, có ý định loại bỏ, hoặc buộc phải loại bỏ.

Nguồn: Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), *Công ước Basel về Kiểm soát Vận chuyển Chất thải Nguy hại Xuyên biên giới và Thải bỏ*, 1989

Lưu ý 1: Có thể định nghĩa chất thải theo luật pháp quốc gia tại thời điểm phát sinh.

Lưu ý 2: Người nắm giữ có thể là tổ chức báo cáo, một thực thể trong chuỗi giá trị của tổ chức ở thượng nguồn hoặc hạ nguồn (ví dụ: nhà cung cấp hoặc người tiêu dùng), hoặc một tổ chức quản lý chất thải, cùng nhiều tổ chức khác.

chất thải nguy hại (hazardous waste)

chất thải có bất kỳ đặc điểm nào được nêu trong Phụ lục III của Công ước Basel hoặc được luật pháp quốc gia coi là nguy hại

Nguồn: Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), *Công ước Basel về Kiểm soát Vận chuyển Chất thải Nguy hại Xuyên biên giới và Thải bỏ*, 1989

chi phí bảo vệ môi trường (environmental protection expenditure)

khoản chi mà tổ chức chi trả hoặc được chi trả thay mặt cho tổ chức, nhằm phòng ngừa, giảm

thiểu, kiểm soát và ghi nhận các khía cạnh, các tác động và các mối nguy về môi trường

Ví dụ: chi phí cho việc dọn sạch, thải bỏ, vệ sinh, xử lý

chỉ số đa dạng (indicator of diversity)

chỉ số đa dạng được tổ chức thu thập dữ liệu

Ví dụ: tuổi, dòng họ và nguồn gốc dân tộc, quốc tịch, tín ngưỡng, tình trạng khuyết tật, giới tính

chỉ số tiềm năng làm nóng lên toàn cầu (GWP) (global warming potential (GWP))

hệ số mô tả tác động bức xạ cưỡng bức (mức độ gây hại cho bầu khí quyển) của một đơn vị khí nhà kính (KNK) nhất định so với một đơn vị khí CO₂

Nguồn: Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì sự Phát triển Bền vững (WBCSD), *Hướng dẫn về Phạm vi 2 của Nghị định thư KNK, 2015* và *Tiêu chuẩn Chuỗi Giá trị Doanh nghiệp (Phạm vi 3) của Nghị định thư KNK, 2011*

Lưu ý: Giá trị GWP chuyển đổi dữ liệu phát thải KNK của các loại khí không phải CO₂ thành đơn vị CO₂ tương đương.

Chỉ số tiềm năng làm nóng lên toàn cầu (GWP) * (global warming potential (GWP) *)

giá trị mô tả tác động bức xạ cưỡng bức của một đơn vị khí nhà kính (KNK) nhất định so với một đơn vị khí CO₂ trong một khoảng thời gian nhất định

Lưu ý: Giá trị GWP chuyển đổi dữ liệu phát thải KNK của các loại khí không phải CO₂ thành đơn vị CO₂ tương đương.

** Xin lưu ý là thuật ngữ này sẽ được cập nhật sau ngày có hiệu lực của GRI 102: Biến đổi Khí hậu 2025 và GRI 103: Năng lượng 2025, từ ngày 1 tháng 1 năm 2027. Vui lòng xem GRI 102/103 để biết thuật ngữ được cập nhật.*

chôn lấp (landfilling)

công đoạn cuối cùng của việc đổ chất thải rắn ngang bằng, trên hoặc dưới mặt đất tại các bãi rác được thiết kế

Nguồn: Liên hợp quốc (LHQ), *Bảng Thuật ngữ Thống kê Môi trường, Nghiên cứu Phương pháp*, Loạt F, Số 67, 1997

Lưu ý: Trong bối cảnh báo cáo chất thải, chôn lấp là việc đổ chất thải rắn vào bãi chôn lấp hợp vệ sinh và không bao gồm việc thải bỏ chất thải không được kiểm soát như đốt lộ thiên và đổ trộm.

chủ đề trọng yếu (material topics)

Các chủ đề phản ánh những tác động đáng kể nhất của tổ chức đến kinh tế, môi trường và con người, bao gồm cả các tác động đến quyền con người của họ

Lưu ý: Hãy xem mục 2.2 trong GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021 và phần 1 in GRI 3: Chủ đề Trọng yếu 2021 để biết thêm thông tin về "chủ đề trọng yếu".

chuẩn bị tái sử dụng (preparation for reuse)

các hoạt động kiểm tra, làm sạch hoặc sửa chữa, qua đó các sản phẩm hoặc thành phần của sản phẩm đã trở thành chất thải được chuẩn bị để đưa vào sử dụng cho cùng mục đích ban đầu

Nguồn: Liên minh Châu Âu (EU), *Chỉ thị Khung về Chất thải*, 2008 (Chỉ thị 2008/98/EC); đã sửa đổi

chuỗi cung ứng (supply chain)

phạm vi hoạt động được thực hiện bởi các thực thể thượng nguồn của tổ chức, cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ được sử dụng trong quá trình phát triển các sản phẩm hoặc dịch vụ của chính tổ chức

chuỗi giá trị (value chain)

phạm vi các hoạt động do tổ chức cũng như các thực thể thượng nguồn và hạ nguồn của tổ chức thực hiện, để đưa các sản phẩm hoặc dịch vụ của tổ chức từ khi hình thành ý tưởng đến giai đoạn sử dụng cuối cùng

Lưu ý 1: Các thực thể thượng nguồn của tổ chức (ví dụ: nhà cung cấp) cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ được sử dụng trong quá trình phát triển các sản phẩm hoặc dịch vụ của chính tổ chức. Các thực thể hạ nguồn của tổ chức (ví dụ: nhà phân phối, khách hàng) nhận sản phẩm hoặc dịch vụ từ tổ chức.

Lưu ý 2: Chuỗi giá trị bao gồm chuỗi cung ứng.

chương trình phát triển cộng đồng (community development program)

kế hoạch nêu chi tiết các hành động để giảm thiểu, giảm nhẹ, hoặc đền bù cho các tác động bất lợi về xã hội và/hoặc kinh tế, và/hoặc để nhận diện các cơ hội hoặc hành động để tăng cường tác động tích cực của dự án đối với cộng đồng

cơ chế khiếu nại (grievance mechanism)

quy trình theo thủ tục, thông qua đó có thể đưa ra khiếu nại và tìm kiếm biện pháp khắc phục

Nguồn: Liên hợp quốc (UN), *Nguyên tắc Hướng dẫn về Kinh doanh và Quyền Con người: Thực hiện Khung “Bảo vệ, Tôn trọng và Khắc phục” của Liên hợp quốc*, 2011; đã sửa đổi

Lưu ý: Xem Hướng dẫn Công bố 2-25 trong GRI 2: Công bố Chung 2021 để biết thêm thông tin về “cơ chế khiếu nại”.

cơ quan quản lý sức khỏe nghề nghiệp (occupational health services)

cơ quan được giao nhiệm vụ chủ yếu là phòng ngừa và có trách nhiệm tư vấn cho người sử dụng lao động người lao động và đại diện của họ trong hoạt động kinh doanh, về các yêu cầu thiết lập và duy trì môi trường làm việc an toàn và lành mạnh, qua đó tạo điều kiện thuận lợi để đạt được sức khỏe thể chất và tinh thần tối ưu liên quan đến công việc và điều chỉnh công việc theo khả năng của người lao động dựa vào tình trạng sức khỏe thể chất và tinh thần của họ

Nguồn: Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *Công ước về Cơ quan quản lý Sức khỏe Nghề nghiệp*, 1985 (Số 161)

Ví dụ: tư vấn về công thái học và về thiết bị bảo hộ cá nhân và chung; tư vấn về sức khỏe, an toàn và vệ sinh lao động; tổ chức sơ cứu và điều trị cấp cứu; thúc đẩy việc điều chỉnh công việc cho phù hợp với người lao động; giám sát các yếu tố trong môi trường làm việc, bao gồm bất kỳ công trình vệ sinh, căng tin và nhà ở nào được cung cấp cho người lao động hoặc trong các hoạt động làm việc có thể ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động; giám sát sức khỏe của người lao động liên quan đến công việc

cơ quan quản trị (governance body)

nhóm chính thức gồm những người chịu trách nhiệm về định hướng chiến lược của tổ chức, giám sát hiệu quả hoạt động quản lý và trách nhiệm giải trình của cấp quản lý đối với toàn bộ tổ chức và các bên liên quan

cơ quan quản trị cao nhất (highest governance body)

cơ quan quản trị có thẩm quyền cao nhất trong tổ chức

Lưu ý: Ở một số khu vực pháp lý, hệ thống quản trị bao gồm hai cấp, trong đó chức năng giám sát và điều hành được tách biệt, hoặc pháp luật địa phương quy định việc thành lập ban kiểm soát gồm các thành viên không điều hành để giám sát ban điều hành. Trong những trường hợp đó, định nghĩa về cơ quan quản trị cao nhất sẽ bao hàm cả hai cấp.

cơ sở hạ tầng (infrastructure)

các cơ sở được xây dựng chủ yếu để cung cấp một dịch vụ hoặc hàng hóa công cộng thay vì mục đích thương mại và tổ chức không tìm kiếm lợi ích kinh tế trực tiếp từ đó

Ví dụ: bệnh viện, đường xá, trường học, các cơ sở cấp nước

cộng đồng địa phương (local community)

những người hoặc nhóm người sống hoặc làm việc trong bất kỳ khu vực nào bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của tổ chức

Lưu ý: Cộng đồng địa phương có thể bao gồm cả những người sống bên cạnh và những người sống xa nơi hoạt động của tổ chức.

D**đại diện của người lao động (worker representative)**

người được công nhận là đại diện theo luật pháp hoặc thông lệ quốc gia, bất kể họ là:

- đại diện công đoàn, cụ thể là đại diện được công đoàn hoặc các thành viên của công đoàn chỉ định hoặc bầu ra; hoặc
- đại diện được bầu, cụ thể là đại diện được người lao động trong doanh nghiệp bầu một cách tự do theo các quy định của luật pháp quốc gia, quy định hoặc thỏa thuận tập thể, có chức năng không bao gồm các hoạt động được công nhận là đặc quyền độc quyền của công đoàn tại quốc gia có liên quan.

Nguồn: Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *Công ước về Đại diện của Người lao động*, 1971 (Số 135)

đánh giá định kỳ về hiệu suất làm việc và phát triển nghề nghiệp (regular performance and career development review)

đánh giá dựa vào các tiêu chí đã thông báo cho nhân viên và cấp trên của nhân viên

- Lưu ý 1: Việc đánh giá được thực hiện ít nhất một lần mỗi năm và được thông báo cho nhân viên.
- Lưu ý 2: Đánh giá có thể bao gồm đánh giá từ cấp trên trực tiếp của nhân viên, đồng nghiệp hoặc nhiều nhân viên khác. Bộ phận nhân sự cũng có thể tham gia đánh giá.

đánh giá sơ bộ nhà cung cấp (supplier screening)

một quy trình chính thức hoặc được lập thành văn bản, áp dụng một tập hợp các tiêu chí về hiệu quả hoạt động như một trong những yếu tố quyết định xem có nên xây dựng mối quan hệ với nhà cung cấp hay không

đáp ứng đầy đủ (full coverage)

tài sản của chương trình đáp ứng hoặc lớn hơn nghĩa vụ của chương trình

dịch vụ được hỗ trợ (services supported)

Các dịch vụ mang lại lợi ích cho cộng đồng được tổ chức hỗ trợ thông qua việc trực tiếp chi trả chi phí vận hành hoặc bố trí nhân sự của tổ chức để tham gia vận hành cơ sở hoặc cung cấp dịch vụ đó bằng nhân viên của chính tổ chức

Lưu ý: Lợi ích cộng đồng cũng có thể bao gồm các dịch vụ cộng đồng.

đối tác kinh doanh (business partner)

thực thể mà tổ chức có một số hình thức hợp tác trực tiếp và chính thức nhằm mục đích đạt được các mục tiêu kinh doanh của mình

Nguồn: Shift và Mazars LLP, *Khung Báo cáo theo Nguyên tắc Hướng dẫn của Liên hợp quốc*, 2015; đã sửa đổi

Ví dụ: các đơn vị liên kết khách hàng doanh nghiệp, khách hàng, nhà cung cấp cấp một, đơn vị nhượng quyền, đối tác liên doanh, và các công ty đầu tư mà tổ chức có cổ phần

Lưu ý: Đối tác kinh doanh không bao gồm các công ty con và đơn vị liên kết mà tổ chức kiểm soát.

dòng chảy (runoff)

một phần lượng nước ngưng tụ chảy về phía sông trên bề mặt đất (tức là dòng chảy bề mặt) hoặc trong đất (tức là dòng chảy ngầm)

Nguồn: Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO), *Bảng Thuật ngữ Thủy văn Quốc tế của UNESCO*, 2012; đã sửa đổi

đóng góp chính trị (political contribution)

hỗ trợ tài chính hoặc hỗ trợ bằng hiện vật trực tiếp hoặc gián tiếp cho các đảng phái chính trị, các đại diện được bầu của họ hoặc những người nỗ lực có được chức vụ chính trị

- Lưu ý 1: Đóng góp tài chính có thể bao gồm các khoản quyên tặng, cho vay, tài trợ, tiền thuê trả trước hoặc mua vé cho các sự kiện gây quỹ.
- Lưu ý 2: Đóng góp bằng hiện vật có thể bao gồm quảng cáo, sử dụng cơ sở vật chất, thiết kế và in ấn, tặng thiết bị hoặc cung cấp quyền hội viên hội đồng, việc làm hoặc công

việc tư vấn cho các chính trị gia được bầu hoặc ứng cử viên vào chức vụ.

đóng góp chính trị gián tiếp (indirect political contribution)

hỗ trợ tài chính hoặc bằng hiện vật cho các đảng phái chính trị, đại diện của họ, hoặc các ứng cử viên cho chức vụ thông qua các tổ chức trung gian như người vận động hành lang hoặc quỹ từ thiện, hoặc hỗ trợ cho các tổ chức như tổ chức cổ vấn hoặc hiệp hội thương mại liên kết với hoặc ủng hộ các đảng phái hoặc mục tiêu chính trị cụ thể

được khôi phục (reclaimed)

nói tới việc thu gom, tái sử dụng, hoặc tái chế các sản phẩm và vật liệu đóng gói sản phẩm khi hết thời gian sử dụng

Lưu ý 1: Việc thu gom và xử lý có thể do nhà sản xuất sản phẩm hoặc nhà thầu thực hiện.

Lưu ý 2: Hạng mục được khôi phục có thể bao gồm các sản phẩm và vật liệu đóng gói sản phẩm do tổ chức hoặc bên đại diện cho tổ chức thu gom; được phân ra thành nguyên liệu thô (ví dụ như thép, thủy tinh, giấy, một số loại nhựa) hoặc các thành phần; và/hoặc được tổ chức hay người dùng khác sử dụng.

đường cơ sở (baseline)

xuất phát điểm dùng để so sánh

Lưu ý: Trong bối cảnh báo cáo năng lượng, đường cơ sở là mức tiêu thụ năng lượng dự kiến khi không có bất kỳ hoạt động giảm thiểu nào.

Đường cơ sở-* (baseline *)

xuất phát điểm dùng để so sánh

Lưu ý: Trong bối cảnh báo cáo năng lượng, đường cơ sở là mức tiêu thụ năng lượng hoặc lượng phát thải dự kiến khi không có bất kỳ hoạt động giảm thiểu nào.

** Xin lưu ý là thuật ngữ này sẽ được cập nhật sau ngày có hiệu lực của GRI 102: Biến đổi Khí hậu 2025 và GRI 103: Năng lượng 2025, từ ngày 1 tháng 1 năm 2027. Vui lòng xem GRI 102/103 để biết thuật ngữ được cập nhật.*

G

giảm phát thải khí nhà kính (KNK) * (reduction of greenhouse gas (GHG) emissions *)

giảm lượng khí thải nhà kính (KNK) hoặc tăng cường loại bỏ hay lưu trữ KNK khỏi bầu khí quyển, so với mức phát thải đường cơ sở

Lưu ý: Các tác động trực tiếp sẽ dẫn đến việc giảm phát thải khí nhà kính, và một số tác động gián tiếp cũng sẽ mang lại kết quả tương tự. Tổng lượng giảm phát thải khí nhà kính (KNK) của một sáng kiến được định lượng bằng tổng số (các) tác động trực tiếp liên quan và bất kỳ tác động gián tiếp đáng kể nào (bao gồm cả việc giảm hoặc gia tăng bù trừ lượng phát thải KNK).

** Xin lưu ý là thuật ngữ này sẽ được cập nhật sau ngày có hiệu lực của GRI 102: Biến đổi Khí hậu 2025 và GRI 103: Năng lượng 2025, từ ngày 1 tháng 1 năm 2027. Vui lòng xem GRI 102/103 để biết thuật ngữ được cập nhật.*

giảm thiểu (mitigation)

(các) hành động được thực hiện để giảm mức độ tác động tiêu cực

Nguồn: Liên hợp quốc (LHQ), *Trách nhiệm Tôn trọng Quyền Con người của Doanh nghiệp: Hướng dẫn Diễn giải*, 2012; đã sửa đổi

Lưu ý: Việc giảm thiểu tác động tiêu cực đã xảy ra đề cập đến các hành động được thực hiện để giảm mức độ nghiêm trọng của tác động tiêu cực đã xảy ra, cũng như bất kỳ tác động còn sót lại nào cần biện pháp khắc phục. Việc giảm thiểu tác động tiêu cực có thể xảy ra đề cập đến các hành động được thực hiện để giảm khả năng xảy ra tác động tiêu cực.

giảm tiêu hao năng lượng (energy reduction)

lượng năng lượng không còn được sử dụng hoặc không còn cần thiết để thực hiện cùng một quy trình hoặc nhiệm vụ so với mức năng lượng đã sử dụng hoặc cần thiết trong năm mốc hoặc đường cơ sở

giảm tiêu thụ năng lượng * (energy reduction *)

phần năng lượng không còn được sử dụng hoặc không cần thiết để thực hiện cùng các quy trình hoặc nhiệm vụ

Lưu ý: Việc giảm tiêu thụ năng lượng không bao gồm việc giảm tổng mức sử dụng năng lượng phát sinh từ việc cắt giảm công suất sản xuất hoặc thuê ngoài các hoạt động của tổ chức.

** Xin lưu ý là thuật ngữ này sẽ được cập nhật sau ngày có hiệu lực của GRI 102: Biến đổi Khí hậu 2025 và GRI 103: Năng lượng 2025, từ ngày 1 tháng 1 năm 2027. Vui lòng xem GRI 102/103 để biết thuật ngữ được cập nhật.*

giao dịch khí nhà kính (KNK) (greenhouse gas (GHG) trade)

việc mua, hủy, bán hoặc chuyển nhượng tín chỉ cacbon hoặc hạn ngạch khí nhà kính (KNK)

Nguồn: Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì sự Phát triển Bền vững (WBCSD), *Tiêu chuẩn Doanh nghiệp của Nghị định thư KNK, Phiên bản sửa đổi, 2004*; đã sửa đổi

giao dịch khí nhà kính (KNK) * (greenhouse gas (GHG) trade *)

việc mua, bán hoặc chuyển nhượng hạn ngạch hoặc đền bù phát thải khí nhà kính (KNK)

** Xin lưu ý là thuật ngữ này sẽ được cập nhật sau ngày có hiệu lực của GRI 102: Biến đổi Khí hậu 2025 và GRI 103: Năng lượng 2025, từ ngày 1 tháng 1 năm 2027. Vui lòng xem GRI 102/103 để biết thuật ngữ được cập nhật.*

H

hành động tập thể chống tham nhũng (collective action to combat corruption)

sự tham gia tự nguyện vào các sáng kiến và với các bên liên quan để cải thiện văn hóa và môi trường hoạt động rộng hơn, nhằm chống tham nhũng

Ví dụ: Hợp tác chủ động với các tổ chức xã hội dân sự, cơ quan chính phủ và khu vực công, các tổ chức cùng ngành, và tổ chức công đoàn.

hành vi độc quyền và hạn chế cạnh tranh (anti-trust and monopoly practice)

hành động của tổ chức có thể dẫn đến sự cấu kết nhằm dựng nên các rào cản đối với việc gia nhập ngành, hoặc hành động cấu kết khác nhằm ngăn cản cạnh tranh

Ví dụ: lạm dụng vị thế thị trường, tập trung kinh tế gây hạn chế cạnh tranh, liên kết, ấn định giá, các hành vi cạnh tranh không lành mạnh

hành vi hạn chế cạnh tranh (anti-competitive behavior)

hành động của tổ chức hoặc nhân viên có thể dẫn đến việc cấu kết với đối thủ tiềm năng, nhằm mục đích hạn chế các tác động của cạnh tranh thị trường.

Ví dụ: phân chia khách hàng, nhà cung cấp, khu vực địa lý và các dòng sản phẩm; thỏa thuận giá thầu; thiết lập các hạn chế về thị trường hoặc sản lượng; ấn định giá; áp đặt hạn ngạch theo khu vực địa lý.

hệ thống phân cấp kiểm soát (hierarchy of controls)

phương pháp tiếp cận có hệ thống để nâng cao an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, loại bỏ các mối nguy và giảm thiểu rủi ro

Lưu ý 1: Hệ thống phân cấp kiểm soát nhằm bảo vệ người lao động bằng cách xếp hạng các cách thức kiểm soát mối nguy hại. Mỗi biện pháp kiểm soát trong hệ thống phân cấp được coi là kém hiệu quả hơn biện pháp xếp trước đó. Ưu tiên hàng đầu là loại bỏ mối nguy, đây là biện pháp kiểm soát mối nguy hiệu quả nhất.

Lưu ý 2: *Hướng dẫn về Hệ thống Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp* năm 2001 của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và ISO 45001:2018 liệt kê các biện pháp phòng ngừa và bảo vệ sau đây theo thứ tự ưu tiên như sau:

- loại bỏ mối nguy/rủi ro;
- thay thế mối nguy/rủi ro bằng các quy trình, hoạt động vận hành, vật liệu hoặc thiết bị ít nguy hiểm hơn;
- kiểm soát mối nguy/rủi ro tại nguồn, thông qua việc sử dụng các biện pháp kiểm soát kỹ thuật hoặc biện pháp về tổ chức;
- giảm thiểu mối nguy/rủi ro bằng cách thiết kế các hệ thống làm việc an toàn, bao gồm các biện pháp kiểm soát hành chính;

- khi không thể kiểm soát các mối nguy/rủi ro còn sót lại bằng các biện pháp chung, hãy cung cấp miễn phí thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp, bao gồm cả quần áo, đồng thời thực hiện các biện pháp để đảm bảo việc sử dụng và bảo trì thiết bị đó.

hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp (occupational health and safety management system)

tập hợp các yếu tố có liên quan hoặc tương tác với nhau để thiết lập chính sách và mục tiêu về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, cũng như để đạt được các mục tiêu đó

Nguồn: Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *Hướng dẫn về Hệ thống Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp, ILO-OSH 2001, 2001*

hỗ trợ tài chính (financial assistance)

các lợi ích tài chính trực tiếp hoặc gián tiếp không phải là một giao dịch hàng hóa và dịch vụ, mà là một hình thức khuyến khích hoặc bù đắp cho hành động đã thực hiện, cũng như chi phí tài sản, hoặc các chi phí phát sinh

Lưu ý: Nhà cung cấp hỗ trợ tài chính không kỳ vọng lợi nhuận tài chính trực tiếp từ sự hỗ trợ mà mình đưa ra.

hoạt động có thể tác động tiêu cực hoặc đã gây ra tác động tiêu cực đáng kể tới cộng đồng địa phương (operation with significant actual or potential negative impacts on local communities)

hoạt động mà khi được xem xét riêng lẻ hoặc kết hợp với các đặc điểm của cộng đồng địa phương thì có thể gây ra tác động tiêu cực cao hơn mức trung bình hoặc đã gây tác động tiêu cực đối với phúc lợi xã hội, kinh tế hoặc môi trường của cộng đồng địa phương

Lưu ý: Ví dụ về tác động tiêu cực đối với cộng đồng địa phương có thể bao gồm tác động đối với sức khỏe và sự an toàn của cộng đồng địa phương.

K

khả năng thích ứng với công việc (continued employability)

khả năng thích ứng với các yêu cầu luôn thay đổi của nơi làm việc thông qua các kỹ năng mới

khí nhà kính (KNK) (greenhouse gas (GHG) test)

khí góp phần gây ra hiệu ứng nhà kính thông qua việc hấp thụ bức xạ hồng ngoại

** Xin lưu ý là thuật ngữ này sẽ được cập nhật sau ngày có hiệu lực của GRI 102: Biến đổi Khí hậu 2025 và GRI 103: Năng lượng 2025, từ ngày 1 tháng 1 năm 2027. Vui lòng xem GRI 102/103 để biết thuật ngữ được cập nhật.*

khí nhà kính (KNK) (greenhouse gas (GHG))

khí góp phần gây ra hiệu ứng nhà kính thông qua việc hấp thụ bức xạ hồng ngoại

Lưu ý: KNK là bảy loại khí được quy định trong Nghị định thư Kyoto: cacbon đioxit (CO₂); metan (CH₄); nitơ oxit (N₂O); hydrofluorocarbon (HFC); perfluorocarbon (PFC); lưu huỳnh hexaflorua (SF₆); và nitơ triflorua (NF₃).

khí nhà kính (KNK) * (greenhouse gas (GHG) *)

khí góp phần gây ra hiệu ứng nhà kính thông qua việc hấp thụ bức xạ hồng ngoại

** Xin lưu ý là thuật ngữ này sẽ được cập nhật sau ngày có hiệu lực của GRI 102: Biến đổi Khí hậu 2025 và GRI 103: Năng lượng 2025, từ ngày 1 tháng 1 năm 2027. Vui lòng xem GRI 102/103 để biết thuật ngữ được cập nhật.*

kiếu nại (grievance)

cảm giác bất công khiến một cá nhân hoặc một nhóm muốn được hưởng quyền nào đó, có thể dựa vào luật pháp, hợp đồng, lời hứa rõ ràng hoặc ngầm định, thông lệ hoặc khái niệm chung về sự công bằng của cộng đồng chịu thiệt hại

Nguồn: Liên hợp quốc (UN), *Nguyên tắc Hướng dẫn về Kinh doanh và Quyền Con người: Thực hiện Khung "Bảo vệ, Tôn trọng và Khắc phục" của Liên hợp quốc, 2011*

kiếu nại có căn cứ (substantiated complaint)

tuyên bố bằng văn bản của cơ quan quản lý hoặc cơ quan chính thức tương tự gửi cho tổ chức theo đó xác định việc vi phạm quyền riêng tư của khách hàng hoặc đơn khiếu nại nộp cho tổ chức mà đã được tổ chức thừa nhận là hợp lý

khu vực đa dạng sinh học cao (area of high biodiversity value)

khu vực không thuộc đối tượng bảo hộ pháp lý nhưng được một số tổ chức chính phủ và phi chính phủ công nhận về các đặc điểm đa dạng sinh học quan trọng

Lưu ý 1: Các khu vực đa dạng sinh học cao bao gồm các môi trường sống được ưu tiên bảo tồn, thường được xác định trong các Chiến lược và Kế hoạch Hành động Đa dạng Sinh học Quốc gia được lập theo “Công ước về Đa dạng Sinh học” 1992 của Liên hợp quốc (UN).

Lưu ý 2: Một số tổ chức bảo tồn quốc tế đã xác định được các khu vực đa dạng sinh học cao cụ thể.

khu vực được bảo tồn (protected area)

khu vực địa lý được xác định, được quy định hoặc được quản lý để đạt được các mục tiêu bảo tồn cụ thể

khu vực được bảo vệ (area protected)

khu vực được bảo vệ khỏi mọi tác hại trong các hoạt động vận hành, và nơi mà môi trường duy trì trạng thái ban đầu với hệ sinh thái lành mạnh và hoạt động tốt

khu vực được phục hồi (area restored)

khu vực đã được sử dụng hoặc bị ảnh hưởng trong quá trình hoạt động vận hành, và là nơi các biện pháp phục hồi môi trường đã được thực hiện nhằm đưa môi trường trở về trạng thái ban đầu, hoặc về một trạng thái có hệ sinh thái lành mạnh và vận hành tốt.

khu vực pháp lý thuế (tax jurisdiction)

bao gồm quốc gia hoặc vùng lãnh thổ có quyền tự chủ trong việc đánh thuế tương đương với một quốc gia

Lưu ý 1: Các lãnh thổ có quyền đánh thuế tự chủ tương tự như một quốc gia là những lãnh thổ có mức độ tự chủ đủ để có thể tham gia vào Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) và Công ước Đa phương về Hỗ trợ Hành chính Lẫn nhau trong các Vấn đề Thuế của Hội đồng Châu Âu. Ví dụ về những vùng lãnh thổ như vậy gồm có Bermuda, Hồng Kông và Jersey.

Lưu ý 2: Định nghĩa về khu vực pháp lý thuế bao gồm cả các quốc gia hoặc vùng lãnh thổ chọn không thực thi quyền tự chủ tài khóa để đánh thuế.

kỳ báo cáo (reporting period)

khoảng thời gian cụ thể mà các thông tin trong báo cáo đề cập đến

Ví dụ: năm tài chính, năm dương lịch

lãnh đạo cấp cao (senior executive)

thành viên cấp cao trong bộ phận quản lý của tổ chức, như Tổng Giám đốc Điều hành (CEO) hoặc một cá nhân báo cáo trực tiếp cho CEO hoặc cơ quan quản trị cao nhất

lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc (forced or compulsory labor)

tất cả các công việc và dịch vụ được thực hiện do ép buộc bất kỳ người nào bằng cách đe dọa bằng bất kỳ hình phạt nào và người đó không tự nguyện thực hiện

Nguồn: Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *Công ước về Lao động Cưỡng bức*, 1930 (Số 29); đã sửa đổi

Lưu ý 1: Các ví dụ nghiêm trọng nhất của lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc là lao động nô lệ và lao động gán nợ, nhưng các khoản nợ cũng có thể được sử dụng làm phương tiện để bắt người lao động phải lao động cưỡng bức.

Lưu ý 2: Dấu hiệu cho biết lao động cưỡng bức bao gồm giữ giấy tờ tùy thân, yêu cầu đặt cọc bắt buộc và bắt người lao động làm việc thêm giờ dưới sự đe dọa sa thải, khi họ chưa từng đồng ý trước đó.

lấy nước (water withdrawal)

tổng lượng nước lấy từ nước bề mặt, nước ngầm, nước biển hoặc bên thứ ba cho bất kỳ mục đích sử dụng nào trong suốt kỳ báo cáo

loại bỏ khí nhà kính (KNK) (greenhouse gas (GHG) removal)

chuyển khí nhà kính (KNK) từ khí quyển để lưu trữ trong một bể chứa ngoài khí quyển

Nguồn: Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì sự Phát triển Bền vững (WBCSD), *Hướng dẫn về Lĩnh vực Đất đai và loại bỏ KNK, Phần 1: Yêu cầu và Hướng dẫn về Kiểm kê và Báo cáo*, Bản thảo để Thử nghiệm và Đánh giá Thí điểm, 2022

Lưu ý: Ví dụ về các bể chứa ngoài khí quyển là các bể chứa trên đất liền, nơi lưu trữ cacbon trong sinh khối trên cạn, vật chất hữu cơ chết và các bể chứa cacbon trong đất; và các bể địa chất, là các thành cấu trúc địa chất lưu trữ các khoáng chất vô cơ không được sử dụng làm sản phẩm, ví dụ như cacbon hóa thạch trong các thành tạo trầm tích chứa dầu và khí thiên nhiên.

lương cơ bản (basic salary)

số tiền cố định tối thiểu trả cho một nhân viên để làm việc

Lưu ý: Lương cơ bản không bao gồm bất kỳ khoản thù lao bổ sung nào, ví dụ như các khoản trả cho thời gian làm việc ngoài giờ hoặc tiền thưởng.

lương khởi điểm (entry level wage)

khoản tiền công toàn thời gian trả cho người lao động theo phân loại việc làm thấp nhất

Lưu ý: Tiền công thực tập hoặc học nghề không được coi là lương khởi điểm.

lượng nước tiêu thụ (water consumption)

tổng lượng nước đã được khai thác và đưa vào sản phẩm, được sử dụng trong quá trình trồng trọt hoặc tạo ra chất thải, đã bốc hơi, thoát hơi nước hoặc được người hoặc vật nuôi tiêu thụ, hoặc bị ô nhiễm đến mức người dùng khác không thể sử dụng được và do đó không được xả trở lại vào nước bề mặt, nước ngầm, nước biển hoặc bên thứ ba trong suốt kỳ báo cáo

Nguồn: CDP, *Hướng dẫn Báo cáo An ninh Nước của CDP*, 2018; đã sửa đổi

Lưu ý: Lượng nước tiêu thụ bao gồm cả lượng nước được lưu trữ trong kỳ báo cáo để sử dụng hoặc xả ra trong kỳ báo cáo tiếp theo.

lượng nước xả thải (water discharge)

tổng lượng nước thải nước đã qua sử dụng và nước chưa sử dụng được xả vào nước bề mặt, nước ngầm, nước biển hoặc bên thứ ba mà tổ chức không còn sử dụng nữa, trong suốt kỳ báo cáo

Lưu ý 1: Nước thải có thể được xả vào nguồn tiếp nhận tại một điểm xả xác định (nguồn ô nhiễm điểm) hoặc được thải phân tán trên bề mặt đất theo cách không xác định (nguồn ô nhiễm diện)

Lưu ý 2: Hoạt động xả nước thải có thể được thực hiện hợp pháp (phù hợp với giấy phép xả thải) hoặc trái phép (khi vượt quá nội dung của giấy phép xả thải).

lưu trữ nước (water storage)

nước được lưu trữ trong các cơ sở lưu trữ nước hoặc hồ chứa

lưu vực (catchment)

vùng đất nơi toàn bộ dòng chảy bề mặt và nước ngầm chảy qua một chuỗi các suối, sông, tầng chứa nước và hồ đổ vào biển hoặc một cửa thoát duy nhất tại một cửa sông, cửa biển hoặc đồng bằng châu thổ

Nguồn: Liên minh Quản lý Nước (AWS), *Tiêu chuẩn Quản lý Nước Quốc tế AWS, Phiên bản 1.0*, 2014; đã sửa đổi

Lưu ý: Lưu vực bao gồm cả các khu vực nước ngầm có liên quan và có thể bao gồm các phần của các vùng nước (như hồ hoặc sông). Ở nhiều nơi trên thế giới, lưu vực còn được gọi là "lưu vực thoát nước" hoặc "lưu vực sông".

M

mối nguy liên quan đến công việc (work-related hazard)

nguồn hoặc tình huống có khả năng gây ra chấn thương hoặc bệnh tật

Nguồn: Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) *Hướng dẫn về Hệ thống Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp*, 2001; đã sửa đổi

Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế. ISO 45001:2018. *Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp – Yêu cầu kèm hướng dẫn sử dụng*. Geneva: ISO, 2018; đã sửa đổi

Các định nghĩa dựa vào hoặc được lấy từ các tiêu chuẩn ISO 14046:2014 và ISO 45001:2018 được sao chép lại với sự cho phép của Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế, ISO. Bản quyền thuộc về ISO.

Lưu ý: Mỗi nguy cơ thể là:

- vật lý (ví dụ: bức xạ, nhiệt độ khắc nghiệt, tiếng ồn lớn liên tục, chất lỏng đổ ra sàn hoặc nguy cơ vấp ngã, máy móc không được che chắn, thiết bị điện bị lỗi);
- công thái học (ví dụ: các trạm làm việc và ghế ngồi không được điều chỉnh đúng cách, tư thế chuyển động khó khăn, rung lắc);
- hóa học (ví dụ: tiếp xúc với dung môi, cacbon monoxit, vật liệu dễ cháy hoặc thuốc trừ sâu);
- sinh học (ví dụ: tiếp xúc với máu và dịch cơ thể, nấm, vi khuẩn, vi-rút hoặc vết cắn của côn trùng);
- tâm lý xã hội (ví dụ: lăng mạ bằng lời nói, quấy rối, bắt nạt);
- liên quan đến công việc tổ chức (ví dụ: khối lượng công việc quá nhiều, làm việc theo ca, giờ làm việc dài, làm việc ban đêm, bạo lực tại nơi làm việc).

mức độ nghiêm trọng (của một tác động) (severity (of an impact))

Mức độ nghiêm trọng của một tác động tiêu cực thực tế hoặc tiềm ẩn được xác định dựa trên quy mô (mức độ trầm trọng của tác động), phạm vi (mức độ lan rộng của tác động) và tính không thể khắc phục (mức độ khó khăn trong việc khắc phục hoặc bù đắp thiệt hại do tác động gây ra).

Nguồn: Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Hướng dẫn Thẩm định về Hành vi Kinh doanh có Trách nhiệm của OECD*, 2018; đã sửa đổi
Liên hợp quốc (LHQ), *Trách nhiệm Tôn trọng Quyền Con người của Doanh nghiệp: Hướng dẫn Diễn giải*, 2012; đã sửa đổi

Lưu ý: Hãy xem [mục 1 trong GRI 3: Chủ đề Trọng yếu 2021](#) để biết thêm thông tin về “mức độ nghiêm trọng”.

mức lương tối thiểu của vùng (local minimum wage)

mức thù lao tối thiểu để sử dụng lao động, trả theo một giờ hoặc đơn vị thời gian khác, được pháp luật cho phép

Lưu ý: Một số quốc gia có nhiều mức lương tối thiểu, chẳng hạn như theo tiểu bang, theo tỉnh hoặc theo phân loại việc làm.

N

năm cơ sở (base year)

Dữ liệu lịch sử (một năm cụ thể hoặc giá trị trung bình trong nhiều năm) được sử dụng làm mốc tham chiếu để theo dõi một phép đo theo thời gian.

Nguồn: Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì sự Phát triển Bền vững (WBCSD), *Tiêu chuẩn Doanh nghiệp của Nghị định thư KNK, Phiên bản sửa đổi*, 2004; đã sửa đổi

năm cơ sở * (base year *)

Dữ liệu lịch sử (chẳng hạn như năm) được sử dụng làm mốc tham chiếu để theo dõi một số liệu đo lường theo thời gian

* Xin lưu ý là thuật ngữ này sẽ được cập nhật sau ngày có hiệu lực của GRI 102: *Biến đổi Khí hậu 2025* và GRI 103: *Năng lượng 2025*, từ ngày 1 tháng 1 năm 2027. Vui lòng xem GRI 102/103 để biết thuật ngữ được cập nhật.

nâng cao sức khỏe (health promotion)

quá trình hỗ trợ mọi người tăng cường khả năng kiểm soát và cải thiện sức khỏe

Nguồn: Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), *Hiến chương Ottawa về Nâng cao Sức khỏe*, 1986

Lưu ý: Các thuật ngữ “nâng cao sức khỏe”, “sức khỏe toàn diện” và “trạng thái khỏe mạnh” thường được sử dụng thay thế cho nhau.

nghỉ thai sản (parental leave)

thời gian nghỉ phép dành cho nhân viên nam và nữ vì lý do sinh con

Người Bản địa (Indigenous Peoples)

Người Bản địa thường được xác định là:

- người thuộc dân tộc thiểu số ở các quốc gia độc lập mà tình trạng kinh tế, văn hóa và xã hội của họ làm cho họ khác biệt với các bộ phận khác của cộng đồng quốc gia, và tình trạng của họ được quy định toàn bộ hoặc một phần bởi các tập quán hoặc truyền thống riêng của họ hoặc bởi các quy định hay luật đặc biệt;
- người ở các quốc gia độc lập được coi là người bản địa do xuất thân từ các quần thể sinh sống ở quốc gia hoặc khu vực địa lý thuộc quốc gia đó, tại thời điểm bị xâm lược hoặc thực dân hóa hoặc hình thành biên giới quốc gia hiện nay và là những người, bất kể tình trạng pháp lý, vẫn duy trì một số hoặc tất cả các hình thái tổ chức xã hội, kinh tế, văn hóa và chính trị riêng.

Nguồn: Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *Công ước về các Dân tộc và Bộ lạc Bản địa*, 1989 (Số 169)

Người Bản địa (Indigenous Peoples) (1)

Người Bản địa thường được xác định là:

- người thuộc dân tộc thiểu số ở các quốc gia độc lập mà tình trạng kinh tế, văn hóa và xã hội của họ làm cho họ khác biệt với các bộ phận khác của cộng đồng quốc gia, và tình trạng của họ được quy định toàn bộ hoặc một phần bởi các tập quán hoặc truyền thống riêng của họ hoặc bởi các quy định hay luật đặc biệt;
- người ở các quốc gia độc lập được coi là người bản địa do xuất thân từ các quần thể sinh sống ở quốc gia hoặc khu vực địa lý thuộc quốc gia đó, tại thời điểm bị xâm lược hoặc thực dân hóa hoặc hình thành biên giới quốc gia hiện nay và là những người, bất kể tình trạng pháp lý, vẫn duy trì một số hoặc tất cả các hình thái tổ chức xã hội, kinh tế, văn hóa và chính trị riêng.

Nguồn: Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *Công ước về các Dân tộc và Bộ lạc Bản địa*, 1989 (Số 169)

người lao động (worker)

người thực hiện công việc cho tổ chức

Ví dụ: nhân viên, nhân viên đại lý, người học nghề, nhà thầu, người lao động làm việc tại nhà, thực tập sinh, người tự kinh doanh, nhà thầu phụ, tình nguyện viên và những người làm việc cho các tổ chức không phải là tổ chức báo cáo, ví dụ như làm việc cho nhà cung cấp

Lưu ý: Trong Tiêu chuẩn GRI, một số trường hợp sẽ quy định rõ có cần sử dụng một nhóm người lao động cụ thể hay không.

nguồn năng lượng có thể tái tạo (renewable energy source)

nguồn năng lượng có thể được bổ sung trong một khoảng thời gian ngắn thông qua các chu trình sinh thái hoặc quy trình nông nghiệp

Ví dụ: sinh khối, địa nhiệt, thủy điện, năng lượng mặt trời, gió

nguồn năng lượng không thể tái tạo (non-renewable energy source)

nguồn năng lượng không thể được bổ sung, tái tạo, phát triển hoặc tạo ra trong một khoảng thời gian ngắn thông qua các chu trình sinh thái hoặc quy trình nông nghiệp

Ví dụ: than đá; nhiên liệu chưng cất từ dầu mỏ hoặc dầu thô, ví dụ như xăng, nhiên liệu diesel, nhiên liệu máy bay và dầu sưởi ấm; nhiên liệu chiết xuất từ quá trình xử lý khí thiên nhiên và tinh chế dầu mỏ, như butan, propan và khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG); khí thiên nhiên, như khí nén thiên nhiên (CNG) và khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG); điện hạt nhân.

nhà cung cấp (supplier)

thực thể thượng nguồn của tổ chức (tức là trong chuỗi cung ứng của tổ chức), cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ được sử dụng trong quá trình phát triển các sản phẩm hoặc dịch vụ của chính tổ chức

Ví dụ: nhà môi giới, nhà tư vấn, nhà thầu, nhà phân phối, bên nhận nhượng quyền thương mại, người lao động làm việc tại nhà, nhà thầu độc lập, người được cấp phép, nhà

sản xuất, nhà sản xuất nguyên liệu thô, nhà thầu phụ, đại lý bán buôn

Lưu ý: Nhà cung cấp có thể có quan hệ kinh doanh trực tiếp với tổ chức (thường được gọi là nhà cung cấp cấp một) hoặc quan hệ kinh doanh gián tiếp.

nhà cung cấp địa phương (local supplier)

tổ chức hoặc người cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ cho tổ chức báo cáo ở trong cùng một thị trường địa lý với tổ chức báo cáo (có nghĩa là không có khoản thanh toán xuyên quốc gia nào được thực hiện cho nhà cung cấp địa phương)

Lưu ý: Định nghĩa địa lý của thuật ngữ “địa phương” có thể bao gồm cộng đồng xung quanh nơi hoạt động, một khu vực trong phạm vi quốc gia hoặc một quốc gia.

nhân viên (employee)

cá nhân có mối quan hệ việc làm với tổ chức, theo thông lệ hoặc luật pháp quốc gia

nhân viên an ninh (security personnel)

các cá nhân được tuyển dụng cho mục đích bảo vệ tài sản của tổ chức; kiểm soát đám đông; phòng chống mất mát; và hộ tống người, hàng hóa và những thứ có giá trị

nhân viên bán thời gian (part-time employee)

nhân viên có số giờ làm việc mỗi tuần, tháng hoặc năm ít hơn số giờ làm việc của nhân viên toàn thời gian

nhân viên chính thức (permanent employee)

nhân viên có hợp đồng trong khoảng thời gian không xác định (tức là hợp đồng không xác định thời hạn) cho công việc toàn thời gian hoặc bán thời gian

nhân viên làm theo giờ không được đảm bảo (non-guaranteed hours employee)

nhân viên không được đảm bảo số giờ làm việc tối thiểu hoặc cố định mỗi ngày, tuần hoặc tháng, nhưng có thể cần phải sẵn sàng làm việc khi được yêu cầu

Nguồn: ShareAction, *Tài liệu Hướng dẫn Khảo sát Sáng kiến Công bố Thông tin Lực lượng lao động*, 2020; đã sửa đổi

Ví dụ: nhân viên thời vụ, nhân viên hợp đồng không ràng buộc, nhân viên làm việc theo yêu cầu

nhân viên tạm thời (temporary employee)

nhân viên với hợp đồng có thời hạn (tức là hợp đồng có thời hạn đã ấn định) kết thúc khi thời gian xác định đó hết hạn hoặc khi nhiệm vụ hoặc sự kiện cụ thể có thời hạn ước tính gắn liền với hợp đồng được hoàn thành (ví dụ: kết thúc dự án hoặc nhân viên được thay thế trở lại làm việc)

nhân viên thôi việc (employee turnover)

nhân viên rời khỏi tổ chức một cách tự nguyện hoặc do sa thải, nghỉ hưu hoặc tử vong trong thời kỳ làm việc

nhân viên toàn thời gian (full-time employee)

nhân viên có số giờ làm việc theo tuần, tháng, hoặc năm được xác định theo thông lệ hay luật của nước sở tại về thời gian làm việc

nhóm dễ bị tổn thương (vulnerable group)

nhóm những người có điều kiện hoặc đặc điểm cụ thể (ví dụ: kinh tế, thể chất, chính trị, xã hội) có thể phải chịu tác động tiêu cực do các hoạt động của tổ chức ở mức độ ngghiêm trọng hơn so với dân số nói chung

Ví dụ: trẻ em và thanh thiếu niên; người cao tuổi; cựu chiến binh; hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS; người bảo vệ quyền con người; Người Bản địa; người buộc phải di cư trong nước; người lao động di cư và gia đình của họ; các nhóm thiểu số theo quốc gia hoặc dân tộc, tôn giáo và ngôn ngữ; những người có thể bị phân biệt đối xử dựa vào khuynh hướng tính dục, bản dạng giới, biểu hiện giới hoặc đặc điểm giới tính của họ (ví dụ: người đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính, chuyển giới, liên giới tính); người khuyết tật; người tị nạn hoặc người tị nạn hồi hương; phụ nữ

Lưu ý: Tính chất dễ bị tổn thương và các tác động có thể khác nhau theo giới tính.

nhóm dễ bị tổn thương (vulnerable groups)

nhóm những người có điều kiện hoặc đặc điểm cụ thể (ví dụ: kinh tế, thể chất, chính trị, xã hội) có thể phải chịu tác động tiêu cực do các hoạt động của tổ chức ở mức độ ngghiêm trọng hơn so với dân số nói chung

Ví dụ: trẻ em và thanh thiếu niên; người cao tuổi; cựu chiến binh; hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS; người bảo vệ quyền con người; Người Bản địa; người buộc phải di cư trong nước; người lao động di cư và gia đình của họ; các nhóm dân tộc, tôn giáo, ngôn ngữ thiểu số; những người có thể bị phân biệt đối xử dựa vào khuynh hướng tính dục, bản dạng giới, biểu hiện giới hoặc đặc điểm giới tính của họ (ví dụ: người đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính, chuyển giới, liên giới tính); người khuyết tật; người tị nạn hoặc người tị nạn hồi hương; phụ nữ

Lưu ý: Tính chất dễ bị tổn thương và các tác động có thể khác nhau theo giới tính.

nhóm xã hội ít được đại diện (under-represented social group)

nhóm người có ít đại diện trong một tập hợp con (ví dụ: một cơ quan hoặc ủy ban, nhân viên của một tổ chức) so với số lượng của họ trong dân số nói chung và do đó có ít cơ hội hơn để bày tỏ nhu cầu và quan điểm kinh tế, xã hội hoặc chính trị của họ

Lưu ý 1: Nhóm xã hội ít được đại diện có thể bao gồm các nhóm thiểu số.

Lưu ý 2: Các nhóm được bao gồm trong định nghĩa này phụ thuộc vào bối cảnh hoạt động của tổ chức và không đồng nhất giữa các tổ chức

nước bề mặt (surface water)

nước hình thành tự nhiên trên bề mặt Trái đất trong các tầng băng, chỏm băng, sông băng, tầng băng trôi, đầm lầy, ao, hồ, sông và suối

Nguồn: CDP, *Hướng dẫn Báo cáo An ninh Nước của CDP*, 2018; đã sửa đổi

nước biển (seawater)

nước ở biển hoặc đại dương

Nguồn: Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế. ISO 14046:2014. *Quản lý môi trường – Dấu chân nước – Nguyên tắc, yêu cầu và hướng dẫn*. Geneva: ISO, 2014; đã sửa đổi

nước ngầm (groundwater)

nước được giữ lại và có thể được khai thác từ một tầng chứa nước ngầm

Nguồn: Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế. ISO 14046:2014. *Quản lý môi trường – Dấu chân nước – Nguyên tắc, yêu cầu và hướng dẫn*. Geneva: ISO, 2014; đã sửa đổi

nước ngọt (freshwater)

nước có nồng độ tổng chất rắn hòa tan bằng hoặc dưới 1.000 mg/L

Nguồn: Quản lý môi trường – Dấu chân nước – Nguyên tắc, yêu cầu và hướng dẫn. Geneva: ISO, 2014; đã sửa đổi
Cục Khảo sát Địa chất Hoa Kỳ (USGS), Bảng Thuật ngữ Khoa học Nước, water.usgs.gov/edu/dictionary.html, truy cập ngày 1 tháng 6 năm 2018; đã sửa đổi
Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), *Hướng dẫn về Chất lượng Nước uống*, 2017; đã sửa đổi

nước sinh ra trong quá trình sản xuất (produced water)

nước xâm nhập vào ranh giới của tổ chức do hoạt động khai thác (ví dụ: dầu thô), chế biến (ví dụ: ép mía) hoặc sử dụng bất kỳ nguyên liệu thô nào và do đó phải được tổ chức quản lý

Nguồn: CDP, *Hướng dẫn Báo cáo An ninh Nước của CDP*, 2018; đã sửa đổi

nước thải (effluent)

nước thải đã xử lý hoặc chưa xử lý được thải ra

Nguồn: Liên minh Quản lý Nước (AWS), *Tiêu chuẩn Quản lý Nước Quốc tế AWS, Phiên bản 1.0*, 2014

P

phạm vi phát thải KNK* (scope of GHG emissions*)

phân loại ranh giới hoạt động nơi thải ra khí nhà kính (KNK)

Lưu ý 1: Phạm vi phân loại phát thải KNK là do tổ chức tự tạo ra hay do các tổ chức khác có

liên quan tạo ra, ví dụ như các nhà cung cấp điện hoặc các công ty kho vận.

Lưu ý 2: Có ba phân loại Phạm vi: Phạm vi 1, Phạm vi 2 và Phạm vi 3.

Lưu ý 3: Việc phân loại Phạm vi căn cứ theo Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì sự Phát triển Bền vững (WBCSD), 'Tiêu chuẩn Doanh nghiệp của Nghị định thư KNK, Bản Sửa đổi, 2004.

** Xin lưu ý là thuật ngữ này sẽ được cập nhật sau ngày có hiệu lực của GRI 102: Biến đổi Khí hậu 2025 và GRI 103: Năng lượng 2025, từ ngày 1 tháng 1 năm 2027. Vui lòng xem GRI 102/103 để biết thuật ngữ được cập nhật.*

phân biệt đối xử (discrimination)

hành vi và hệ quả của việc đối xử với người khác một cách bất bình đẳng bằng áp đặt những gánh nặng không tương xứng hoặc từ chối các quyền lợi thay vì đối xử với mỗi người một cách công bằng dựa trên năng lực và phẩm chất cá nhân

Lưu ý: Phân biệt đối xử cũng có thể bao gồm cả quấy rối, nghĩa là lời bình phẩm hoặc hành động không được hoan nghênh, hoặc có căn cứ để thấy là không được hoan nghênh, đối với người mà những lời bình phẩm và hành động đó hướng đến.

phân loại nhân viên (employee category)

phân chia nhân viên theo cấp bậc (như quản lý cấp cao, quản lý cấp trung) và chức năng công việc (như kỹ thuật, hành chính, sản xuất)

Lưu ý: Thông tin này lấy từ hệ thống nhân sự của chính tổ chức.

phân loại sản phẩm hoặc dịch vụ (product or service category)

nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan, có cùng một tập hợp các đặc điểm chung được quản lý, đáp ứng các nhu cầu cụ thể của thị trường được chọn

phát thải cacbon đioxit (CO₂) sinh học (biogenic carbon dioxide (CO₂) emission)

phát thải CO₂ do đốt cháy hoặc phân hủy sinh học của sinh khối

phát thải khí đáng kể (significant air emission)

phát thải khí được quản lý theo các công ước quốc tế và/hoặc luật hay quy định của quốc gia

Lưu ý: Phát thải khí đáng kể bao gồm cả những trường hợp được liệt kê trong giấy phép môi trường cấp cho các hoạt động của tổ chức.

phát thải KNK gián tiếp khác (Phạm vi 3) * (other indirect (Scope 3) GHG emissions *)

phát thải khí nhà kính (KNK) gián tiếp không bao gồm trong phát thải KNK gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2) mà xảy ra bên ngoài tổ chức, bao gồm cả phát thải thượng nguồn và hạ nguồn

** Xin lưu ý là thuật ngữ này sẽ được cập nhật sau ngày có hiệu lực của GRI 102: Biến đổi Khí hậu 2025 và GRI 103: Năng lượng 2025, từ ngày 1 tháng 1 năm 2027. Vui lòng xem GRI 102/103 để biết thuật ngữ được cập nhật.*

phát thải KNK gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2) * (energy indirect (Scope 2) GHG emissions *)

lượng phát thải khí nhà kính (KNK) phát sinh từ quá trình tạo ra điện, nhiệt, làm mát và hơi nước mà tổ chức mua hoặc tiếp nhận để sử dụng.

** Xin lưu ý là thuật ngữ này sẽ được cập nhật sau ngày có hiệu lực của GRI 102: Biến đổi Khí hậu 2025 và GRI 103: Năng lượng 2025, từ ngày 1 tháng 1 năm 2027. Vui lòng xem GRI 102/103 để biết thuật ngữ được cập nhật.*

phát thải KNK Phạm vi 1 (scope 1 GHG emissions)

lượng phát thải khí nhà kính (KNK) từ các nguồn do tổ chức sở hữu hoặc kiểm soát

Nguồn: Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì sự Phát triển Bền vững (WBCSD), *Hướng dẫn về Phạm vi 2 của Nghị định thư KNK*, 2015 và *Tiêu chuẩn Chuỗi giá trị Doanh nghiệp (Phạm vi 3) của Nghị định thư KNK*, 2011

Ví dụ: phát thải CO₂ từ việc tiêu thụ nhiên liệu

Lưu ý: Nguồn KNK là bất kỳ đơn vị thực tế hoặc quy trình nào thải KNK vào khí quyển.

phát thải KNK Phạm vi 2 (scope 2 GHG emissions)

phát thải khí nhà kính (KNK) gián tiếp từ việc tạo ra điện, nhiệt, làm mát và hơi nước mà tổ chức mua hoặc tiếp nhận để sử dụng.

Nguồn: Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì sự Phát triển Bền vững (WBCSD), *Hướng dẫn về Phạm vi 2 của Nghị định thư KNK*, 2015 và *Tiêu chuẩn Chuỗi Giá trị Doanh nghiệp (Phạm vi 3) của Nghị định thư KNK*, 2011

phát thải KNK Phạm vi 3 (scope 3 GHG emissions)

phát thải khí nhà kính (KNK) gián tiếp (không bao gồm trong phát thải KNK Phạm vi 2) xảy ra ở chuỗi giá trị thượng nguồn và hạ nguồn của tổ chức

Nguồn: Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì sự Phát triển Bền vững (WBCSD), *Hướng dẫn về Phạm vi 2 của Nghị định thư KNK*, 2015 và *Tiêu chuẩn Chuỗi Giá trị Doanh nghiệp (Phạm vi 3) của Nghị định thư KNK*, 2011

phát thải KNK trực tiếp (Phạm vi 1) * (direct (Scope 1) GHG emissions *)

lượng phát thải khí nhà kính (KNK) từ các nguồn do tổ chức sở hữu hoặc kiểm soát

Ví dụ: phát thải CO₂ từ việc tiêu thụ nhiên liệu

Lưu ý: Nguồn KNK là bất kỳ đơn vị thực tế hoặc quy trình nào thải KNK vào khí quyển.

* Xin lưu ý là thuật ngữ này sẽ được cập nhật sau ngày có hiệu lực của GRI 102: Biến đổi Khí hậu 2025 và GRI 103: Năng lượng 2025, từ ngày 1 tháng 1 năm 2027. Vui lòng xem GRI 102/103 để biết thuật ngữ được cập nhật.

phát triển bền vững/tính bền vững (sustainable development / sustainability)

sự phát triển đáp ứng nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai

Nguồn: Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển, *Tương lai Chung của Chúng ta*, 1987

Lưu ý: Trong Tiêu chuẩn GRI, thuật ngữ “tính bền vững” và “phát triển bền vững” được dùng thay thế cho nhau.

phơi nhiễm (exposure)

lượng thời gian tiếp xúc hoặc bản chất của việc tiếp xúc với một số môi trường có nhiều mức độ và loại mối nguy khác nhau, hoặc tiếp xúc gần với một tình trạng có thể gây ra chấn thương hoặc bệnh tật (ví dụ: hóa chất, bức xạ, áp suất cao, tiếng ồn, hỏa hoạn, chất nổ)

phúc lợi (benefit)

lợi ích trực tiếp được cấp theo hình thức đóng góp tài chính, dịch vụ chăm sóc được tổ chức trả tiền, hoặc khoản bồi hoàn cho các chi phí mà nhân viên đã chi trả

Lưu ý: Các khoản phúc lợi cũng có thể bao gồm: tiền trợ cấp thôi việc vượt mức tối thiểu theo quy định pháp luật, tiền trợ cấp mất việc, quyền lợi bổ sung khi bị tai nạn lao động, trợ cấp tử tuất và các quyền lợi nghỉ phép có hưởng lương bổ sung.

phúc lợi tiêu chuẩn (standard benefit)

phúc lợi thường được cấp cho phần lớn các nhân viên toàn thời gian

Lưu ý: Các chế độ phúc lợi tiêu chuẩn không nhất thiết phải được áp dụng cho tất cả nhân viên làm việc toàn thời gian trong tổ chức. Mục đích lập báo cáo về phúc lợi tiêu chuẩn là để công bố những phúc lợi mà nhân viên toàn thời gian có thể kỳ vọng nhận được một cách hợp lý.

phương pháp xử lý chất thải (waste disposal method)

phương pháp xử lý hoặc thải bỏ chất thải

Ví dụ: ủ phân, bơm xuống tầng đá xốp, thiêu hủy, chôn lấp, lưu trữ tại cơ sở, thu hồi, tái chế, tái sử dụng

quan hệ kinh doanh (business relationships)

mối quan hệ giữa tổ chức với các đối tác kinh doanh, với các thực thể trong chuỗi giá trị của

mình bao gồm cả những thực thể ngoài các nhà cung cấp cấp một và với bất kỳ thực thể nào khác có liên quan trực tiếp đến hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của tổ chức

Nguồn: Liên hợp quốc (UN), *Nguyên tắc Hướng dẫn về Kinh doanh và Quyền Con người: Thực hiện Khung “Bảo vệ, Tôn trọng và Khắc phục” của Liên hợp quốc*, 2011; đã sửa đổi

Lưu ý: Ví dụ về các bên khác có liên quan trực tiếp đến hoạt động, sản phẩm, hoặc dịch vụ của tổ chức bao gồm: một tổ chức phi chính phủ mà tổ chức phối hợp để thực hiện các hoạt động hỗ trợ cộng đồng địa phương hoặc các lực lượng an ninh nhà nước thực hiện nhiệm vụ bảo vệ cơ sở vật chất của tổ chức.

quản lý nước (water stewardship)

việc sử dụng nước trên nguyên tắc công bằng về mặt xã hội, bền vững về mặt môi trường và có lợi về mặt kinh tế, thông qua một quá trình có sự tham gia của các bên liên quan bao gồm các hành động dựa vào cơ sở vật chất và lưu vực

Nguồn: Liên minh Quản lý Nước (AWS), *Tiêu chuẩn Quản lý Nước Quốc tế AWS, Phiên bản 1.0*, 2014; đã sửa đổi

Lưu ý: Những người quản lý nước hợp lý hiểu rõ việc sử dụng nước của mình; bối cảnh lưu vực; và rủi ro chung về mặt quản trị nước, cân bằng nước và chất lượng nước; đồng thời tham gia vào các hành động cá nhân và tập thể có ý nghĩa mang lại lợi ích cho con người và thiên nhiên. Hơn nữa:

- Việc sử dụng nước công bằng về mặt xã hội thừa nhận và thực hiện quyền con người đối với nước và tình trạng đảm bảo vệ sinh, đồng thời góp phần đảm bảo sức khỏe toàn diện và công bằng cho con người;
- Việc sử dụng nước bền vững về mặt môi trường duy trì hoặc cải thiện tính đa dạng sinh học cũng như các quá trình sinh thái và thủy văn ở cấp lưu vực;
- Việc sử dụng nước có lợi về mặt kinh tế góp phần mang lại hiệu quả lâu dài, phát triển và giảm thiểu tình trạng đói nghèo cho người sử dụng nước, cộng đồng địa phương và toàn xã hội.

quỹ phúc lợi với mức đóng góp xác định (defined contribution plan)

chương trình phúc lợi sau khi thôi việc theo hình thức đóng góp xác định, trong đó doanh nghiệp nộp các khoản đóng góp cố định vào một pháp nhân riêng biệt (quỹ), và không có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ ngầm định phải đóng thêm nếu quỹ không có đủ tài sản để chi trả toàn bộ các khoản phúc lợi của nhân viên liên quan đến thời gian làm việc của nhân viên trong giai đoạn hiện tại và các giai đoạn trước đó

quỹ phúc lợi với mức phúc lợi xác định (defined benefit plan)

chương trình phúc lợi sau khi nghỉ việc không phải là quỹ phúc lợi với mức đóng góp xác định

quyền con người (human rights)

các quyền vốn có của tất cả con người, trong đó tối thiểu bao gồm các quyền được nêu trong *Tuyên ngôn Quốc tế về Quyền Con người* của *Liên hợp quốc (UN)* và các nguyên tắc liên quan đến các quyền cơ bản được nêu trong *Tuyên bố về các Nguyên tắc và Quyền Cơ bản tại Noi làm việc của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO)*

Nguồn: Liên hợp quốc (UN), *Nguyên tắc Hướng dẫn về Kinh doanh và Quyền Con người: Thực hiện Khung “Bảo vệ, Tôn trọng và Khắc phục” của Liên hợp quốc*, 2011; đã sửa đổi

Lưu ý: Xem [Hướng dẫn 2-23-b-i trong GRI 2: Công bố Chung 2021](#) để biết thêm thông tin về “quyền con người”.

quyền riêng tư của khách hàng (customer privacy)

quyền của khách hàng đối với sự riêng tư và không gian cá nhân

Ví dụ: nghĩa vụ tuân thủ tính bảo mật; bảo vệ dữ liệu; bảo vệ thông tin hoặc dữ liệu khỏi bị đánh cắp hoặc sử dụng sai mục đích; chỉ sử dụng thông tin hoặc dữ liệu cho mục đích dự định ban đầu, trừ khi có thỏa thuận cụ thể khác

Lưu ý: “Khách hàng” được hiểu bao gồm cả người tiêu dùng cuối cùng (người tiêu dùng) và khách hàng doanh nghiệp.

quyền tự do hiệp hội (freedom of association)

quyền của người sử dụng lao động và người lao động được lập, tham gia và vận hành các tổ chức của riêng họ mà không cần sự cho phép trước hoặc can thiệp của nhà nước hoặc bất kỳ thực thể nào khác

R**rủi ro an toàn và sức khỏe nghề nghiệp (occupational health and safety risk)**

sự kết hợp khả năng xảy ra tình huống nguy hại hoặc tình trạng phơi nhiễm liên quan đến công việc và mức độ nghiêm trọng của thương tích hoặc bệnh tật có thể do tình huống hoặc tình trạng phơi nhiễm đó gây ra

Nguồn: Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế. ISO 45001:2018. *Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp – Yêu cầu kèm hướng dẫn sử dụng*. Geneva: ISO, 2018

S**sáng kiến bảo toàn và sử dụng hiệu quả năng lượng (conservation and efficiency initiative)**

các sửa đổi về tổ chức hoặc công nghệ cho phép thực hiện quy trình hoặc nhiệm vụ đã xác định theo cách tiêu tốn ít năng lượng hơn

Ví dụ: chuyển đổi và nâng cấp các thiết bị như thiết bị chiếu sáng tiết kiệm năng lượng, loại bỏ việc sử dụng năng lượng không cần thiết nhờ thay đổi hành vi, xác lập lại quy trình

sự cố cận nguy (close call)

sự cố liên quan đến công việc không dẫn đến chấn thương hoặc tổn hại sức khỏe, nhưng tiềm ẩn khả năng gây ra các hậu quả này

Nguồn: Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế. ISO 45001:2018. *Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp – Yêu cầu kèm hướng dẫn sử dụng*. Geneva: ISO, 2018; đã sửa đổi

Lưu ý: “Sự cố cận nguy” cũng có thể được gọi là “tai nạn suýt xảy ra” hoặc “sự cố suýt gây tai nạn”.

sự cố liên quan đến công việc (work-related incident)

sự việc phát sinh từ hoặc trong quá trình làm việc có thể hoặc đã dẫn đến chấn thương hoặc bệnh tật

Nguồn: Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế. ISO 45001:2018. *Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp – Yêu cầu kèm hướng dẫn sử dụng*. Geneva: ISO, 2018; đã sửa đổi

Các định nghĩa dựa vào hoặc được lấy từ các tiêu chuẩn ISO 14046:2014 và ISO 45001:2018 được sao chép lại với sự cho phép của Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế, ISO. Bản quyền thuộc về ISO.

Lưu ý 1: Sự cố có thể xảy ra do các nguyên nhân như sự cố điện, nổ, hỏa hoạn; tràn, lật, rò rỉ, chầy; vỡ, bùng nổ, tách; mất kiểm soát, trượt ngã, vấp ngã và rơi ngã; chuyển động cơ thể không có áp lực; chuyển động cơ thể dưới/có áp lực; sốc, sợ hãi; bạo lực hoặc quấy rối tại nơi làm việc (ví dụ: quấy rối tình dục).

Lưu ý 2: Một sự cố gây ra chấn thương hoặc bệnh tật thường được gọi là “tai nạn”. Một sự cố có khả năng gây chấn thương hoặc bệnh tật nhưng không xảy ra thường được gọi là “sự cố cận nguy”, “tai nạn suýt xảy ra” hoặc “sự cố suýt gây tai nạn”.

sự cố liên quan đến công việc có khả năng cao gây thương tích có hậu quả nghiêm trọng (high-potential work-related incident)

sự cố liên quan đến công việc có khả năng cao gây ra thương tích có hậu quả nghiêm trọng

Ví dụ: sự cố liên quan đến nổ, thiết bị trực trực, va chạm xe cộ có khả năng cao gây thương tích có hậu quả nghiêm trọng

sự cố tràn (spill)

tình huống một chất nguy hiểm vô tình tràn ra ngoài có thể ảnh hưởng đến sức khỏe con người, đất đai, cây cối, nguồn nước mặt, và nước ngầm

sự cố tràn nghiêm trọng (significant spill)

sự cố tràn được thể hiện trong báo cáo tài chính của tổ chức, ví dụ như do trách nhiệm pháp lý phát sinh, hoặc được tổ chức ghi lại là sự cố tràn

sự cố trên đường đi làm (commuting incident)

sự cố xảy ra khi người lao động di chuyển giữa nơi sinh hoạt cá nhân (ví dụ: nơi ở, nhà hàng) và nơi làm việc hoặc địa điểm làm việc

Lưu ý: Các phương tiện di chuyển bao gồm xe cơ giới (ví dụ: xe máy, ô tô, xe tải, xe buýt), phương tiện đường sắt (ví dụ: tàu hỏa, tàu điện), xe đạp, máy bay và đi bộ, cùng nhiều phương tiện khác.

sự tham gia của người lao động (worker participation)

việc người lao động tham gia vào việc ra quyết định

Lưu ý 1: Sự tham gia của người lao động có thể được thực hiện thông qua các đại diện của người lao động.

Lưu ý 2: Sự tham gia và tham vấn của người lao động là hai thuật ngữ riêng biệt có ý nghĩa cụ thể. Xem định nghĩa về "sự tham vấn người lao động".

T**tác động (impact)**

ảnh hưởng đã có hoặc có thể có của một tổ chức đối với kinh tế, môi trường và con người, bao gồm cả nhân quyền của họ; các tác động này phản ánh mức độ đóng góp (tích cực hoặc tiêu cực) của tổ chức đối với phát triển bền vững

Lưu ý 1: Tác động có thể là tác động đã xảy ra hoặc có thể xảy ra, tích cực hoặc tiêu cực, ngắn hạn hoặc dài hạn, có chủ định hoặc không chủ định và có thể đảo ngược hoặc không thể đảo ngược.

Lưu ý 2: Hãy xem [mục 2.1 trong GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021](#) để biết thêm thông tin về "tác động".

tác động đáng kể đến đa dạng sinh học (significant impact on biodiversity)

tác động có thể ảnh hưởng bất lợi đến tính toàn vẹn của khu vực hoặc vùng địa lý, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, thông qua việc làm thay đổi đáng kể các đặc điểm, cấu trúc và chức năng sinh thái trên toàn bộ diện tích và trong thời gian dài, đến mức môi trường sống, mức độ quần thể và các loài đặc trưng làm nên giá trị của môi trường sống đó không còn được duy trì.

Lưu ý 1: Ở cấp độ loài, một tác động đáng kể sẽ làm suy giảm quần thể hoặc thay đổi vùng phân bố khiến cho khả năng phục hồi tự nhiên (thông qua sinh sản hoặc di cư từ các khu vực không bị ảnh hưởng) không thể đưa quần thể trở lại mức ban đầu trong một số thế hệ nhất định.

Lưu ý 2: Một tác động đáng kể cũng có thể ảnh hưởng đến việc sử dụng tài nguyên thương mại hoặc sinh kế ở mức độ làm suy giảm phúc lợi của những người sử dụng trong dài hạn.

tái chế (recycling)

tái xử lý sản phẩm hoặc thành phần của sản phẩm đã trở thành chất thải, để tạo ra vật liệu mới

Nguồn: Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), *Công ước Basel về Kiểm soát Vận chuyển Chất thải Nguy hại Xuyên biên giới và Thải bỏ*, 1989; đã sửa đổi

thải bỏ (disposal)

bất kỳ hoạt động nào không phải là hoạt động thu hồi, ngay cả khi hoạt động đó có hệ quả thứ cấp là thu hồi năng lượng

Nguồn: Liên minh Châu Âu (EU), *Chỉ thị Khung về Chất thải*, 2008 (Chỉ thị 2008/98/EC)

Lưu ý: Thải bỏ là hoạt động quản lý cuối vòng đời của các sản phẩm, vật liệu và tài nguyên bị loại bỏ, thông qua việc đưa vào nơi chứa hoặc thông qua quá trình biến đổi hóa học hoặc nhiệt học làm cho các sản phẩm, vật liệu và tài nguyên này không còn khả năng được sử dụng tiếp.

thăm định (due diligence)

quá trình nhận diện, phòng ngừa, giảm thiểu và giải thích về cách tổ chức giải quyết các tác động tiêu cực đã xảy ra và có thể xảy ra của mình.

Nguồn: Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Hướng dẫn cho Doanh nghiệp Đa*

quốc gia của OECD, 2011; đã sửa đổi Liên hợp quốc (UN), Nguyên tắc Hướng dẫn về Kinh doanh và Quyền Con người: Thực hiện Khung “Bảo vệ, Tôn trọng và Khắc phục” của Liên hợp quốc, 2011; đã sửa đổi

Lưu ý: Hãy xem [mục 2.3 trong GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021](#) để biết thêm thông tin về “thẩm định”.

tham nhũng (corruption)

“hành vi lạm dụng quyền lực được giao để thu lợi cá nhân”, có thể do cá nhân hoặc tổ chức thực hiện

Nguồn: Tổ chức Minh bạch Quốc tế, *Nguyên tắc Kinh doanh Chống Hối lộ*, 2011

Lưu ý: Tham nhũng bao gồm cả các hành vi như hối lộ, trả tiền bôi trơn, gian lận, tổng tiền, câu kết và rửa tiền. Tham nhũng còn bao gồm cả hành vi đưa hoặc nhận bất kỳ món quà, khoản vay, phí, phần thưởng hoặc lợi thế nào khác cho hoặc từ bất kỳ người nào để xui khiến người đó thực hiện hành vi không trung thực, bất hợp pháp hoặc vi phạm lòng tin trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Điều này có thể bao gồm tiền mặt hoặc lợi ích bằng hiện vật, chẳng hạn như hàng hóa, quà tặng và các kỳ nghỉ miễn phí hoặc các dịch vụ cá nhân đặc biệt được cung cấp để đạt được lợi thế không chính đáng hoặc có thể gây ra áp lực tinh thần để nhận được lợi thế như vậy.

tham vấn người lao động (worker consultation)

hỏi ý kiến của [người lao động](#) trước khi đưa ra quyết định

Lưu ý 1: Có thể thực hiện tham vấn người lao động thông qua [đại diện của người lao động](#).

Lưu ý 2: Tham vấn là một quy trình chính thức, trong đó cấp quản lý sẽ xem xét quan điểm của người lao động khi đưa ra quyết định. Do đó, cần phải tham vấn trước khi đưa ra quyết định. Đặc biệt cần cung cấp thông tin kịp thời cho người lao động hoặc đại diện của người lao động để họ có thể đưa ra ý kiến đóng góp có ý nghĩa và hiệu quả trước khi quyết định được đưa ra. Việc tham vấn có ý nghĩa đòi hỏi phải có đối thoại.

Lưu ý 3: Sự tham gia của người lao động và việc tham vấn người lao động là hai thuật ngữ riêng biệt có ý nghĩa cụ thể. Xem định nghĩa về [“sự tham gia của người lao động”](#).

thay đổi hoạt động đáng kể (significant operational change)

thay đổi đối với mô hình hoạt động của tổ chức mà có khả năng gây tác động tích cực hoặc tiêu cực đáng kể đối với [người lao động](#) thực hiện hoạt động của tổ chức

Ví dụ: đóng cửa, mở rộng, sáp nhập, mở mới, thuê ngoài hoạt động, tái cơ cấu, bán toàn bộ hoặc một phần tổ chức, tiếp quản

thiêu hủy (incineration)

đốt [chất thải](#) có kiểm soát ở nhiệt độ cao

Nguồn: Liên hợp quốc (LHQ), *Bảng Thuật ngữ Thống kê Môi trường, Nghiên cứu Phương pháp*, Loạt F, Số 67, 1997

Lưu ý: Quá trình thiêu hủy chất thải có thể được thực hiện với mục đích thu hồi năng lượng hoặc không. Việc thiêu hủy với mục đích thu hồi năng lượng còn được gọi là chuyển đổi rác thải thành năng lượng. Trong bối cảnh báo cáo chất thải, việc thiêu hủy với mục đích thu hồi năng lượng được coi là hoạt động thải bỏ.

thỏa thuận chính thức (formal agreement)

văn bản mà tất cả các bên có liên quan cùng ký tên, trong đó tuyên bố thống nhất trong việc tuân theo những gì nêu trong văn bản đó

Ví dụ: thỏa thuận [thương lượng tập thể](#) ở cấp địa phương, hoặc thỏa thuận khung ở cấp quốc gia hoặc quốc tế

thông tin và ghi nhãn sản phẩm và dịch vụ (product and service information and labeling)

thông tin và ghi nhãn được dùng như hai từ đồng nghĩa và mô tả thông tin truyền đạt cùng với sản phẩm hoặc dịch vụ, trong đó mô tả đặc điểm của sản phẩm hoặc dịch vụ đó

thu hồi (recovery)

hoạt động trong đó các sản phẩm, thành phần của sản phẩm hoặc vật liệu đã trở thành chất thải được chuẩn bị để thực hiện một mục đích thay thế cho các sản phẩm, thành phần hoặc vật liệu mới đáng lẽ sẽ được sử dụng cho mục đích đó

Nguồn: Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), *Công ước Basel về Kiểm soát Vận chuyển Chất thải Nguy hại Xuyên biên giới và Thải bỏ*, 1989; đã sửa đổi

Ví dụ: chuẩn bị tái sử dụng, tái chế

Lưu ý: Trong bối cảnh báo cáo chất thải, hoạt động thu hồi không bao gồm thu hồi năng lượng.

thù lao (remuneration)

lượng cơ bản cộng thêm các khoản bổ sung trả cho người lao động

Lưu ý: Ví dụ về các khoản chi trả bổ sung cho người lao động có thể bao gồm: các khoản dựa trên thâm niên làm việc; tiền thưởng bằng tiền mặt hoặc cổ phần như cổ phiếu; các khoản phúc lợi; phụ cấp ngoài giờ; thời gian còn nợ và bất kỳ khoản phụ cấp bổ sung khác như phụ cấp đi lại, sinh hoạt và chăm sóc trẻ em.

thương lượng tập thể (collective bargaining)

tất cả các cuộc đàm phán diễn ra giữa một bên là một hoặc nhiều người sử dụng lao động hoặc tổ chức của người sử dụng lao động, và một bên là một hoặc nhiều tổ chức của người lao động (ví dụ: công đoàn), nhằm xác định các điều kiện làm việc và điều khoản hợp đồng lao động hoặc để điều chỉnh mối quan hệ giữa người sử dụng lao động và người lao động

Nguồn: Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), *Công ước về Thương lượng Tập thể*, 1981 (Số 154); đã sửa đổi

tín chỉ cacbon (carbon credit)

công cụ có thể chuyển nhượng hoặc giao dịch đại diện cho việc giảm phát thải hoặc loại bỏ một tấn CO₂ tương đương

Lưu ý: Tín chỉ cacbon được gán mã nhận dạng duy nhất, phát hành, theo dõi và hủy bỏ theo các tiêu chuẩn chất lượng được công nhận.

tổng thù lao hàng năm (annual total compensation)

thù lao được cấp trong một năm

Lưu ý: Tổng thù lao hàng năm có thể bao gồm các khoản như: tiền lương, tiền thưởng, cổ phiếu thưởng, quyền chọn mua cổ phiếu, thù lao theo chương trình khuyến khích không dựa trên vốn chủ sở hữu, phần thay đổi giá trị lương hưu và thu nhập từ các khoản thù lao hoãn lại không đủ điều kiện, cùng với tất cả các khoản thù lao khác.

trẻ em (child)

người dưới 15 tuổi hoặc dưới độ tuổi hoàn thành chương trình giáo dục bắt buộc, tùy theo mức nào cao hơn

Lưu ý 1: Có thể có ngoại lệ ở một số nước có nền kinh tế và cơ sở giáo dục chưa hoàn thiện và có thể áp dụng độ tuổi tối thiểu là 14. Những quốc gia ngoại lệ này được Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) xác định, dựa trên đơn đề nghị đặc biệt của quốc gia có liên quan và sau khi tham vấn ý kiến của các tổ chức đại diện cho người sử dụng lao động và người lao động.

Lưu ý 2: *Công ước về Tuổi Lao động Tối thiểu* của ILO, 1973 (Số 138), đề cập đến cả lao động trẻ em và người lao động vị thành niên.

truyền thông tiếp thị (marketing communication)

sự kết hợp các chiến lược, hệ thống, phương pháp và hoạt động được tổ chức sử dụng để quảng bá danh tiếng, thương hiệu, sản phẩm, và dịch vụ của mình tới đối tượng mục tiêu

Ví dụ: quảng cáo, bán hàng cá nhân, quảng bá, quan hệ công chúng, truyền thông xã hội, tài trợ

vật liệu có thể tái tạo (renewable material)

vật liệu có nguồn gốc từ các nguồn tài nguyên phong phú được bổ sung nhanh chóng bởi các chu trình sinh thái hoặc quy trình nông nghiệp để các dịch vụ được cung cấp bởi các loại vật liệu

này và các nguồn lực có liên quan khác không bị đe dọa và vẫn sẵn có cho thế hệ tiếp theo

Nguồn: Mạng lưới Thông tin và Giám sát Môi trường Châu Âu (EIONET), *Từ điển đồng nghĩa GEMET – Vật liệu Thô Có thể tái tạo*, <http://www.eionet.europa.eu/gemet/concept?ns=1&cp=7084>, truy cập ngày 1 tháng 9 năm 2016; đã sửa đổi
Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Năng suất Tài nguyên của G8 và OECD – Báo cáo trong Khuôn khổ Kế hoạch Hành động Kobe 3R*, <http://www.oecd.org/env/waste/47944428.pdf>, truy cập ngày 1 tháng 9 năm 2016; đã sửa đổi
Liên hợp quốc (UN), Ủy ban Châu Âu (EC), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) và Ngân hàng Thế giới, *Hạch toán Môi trường và Kinh tế Kết hợp – Sổ tay Kế toán Quốc gia*, 2003; đã sửa đổi

vật liệu không thể tái tạo (non-renewable material)

nguồn tài nguyên không thể tái tạo trong khoảng thời gian ngắn

Ví dụ: than đá, khí, kim loại, khoáng sản, dầu

vật liệu tái chế đầu vào (recycled input material)

vật liệu thay thế vật liệu nguyên sinh, được mua hoặc lấy từ các nguồn nội bộ hoặc bên ngoài, đồng thời không phải là sản phẩm phụ và đầu ra không phải sản phẩm (NPO) do tổ chức tạo ra

vi phạm quyền riêng tư của khách hàng (breach of customer privacy)

không tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và các tiêu chuẩn (tự nguyện) về bảo vệ quyền riêng tư của khách hàng

vụ việc tham nhũng đã xác nhận (confirmed incident of corruption)

vụ việc tham nhũng có bằng chứng xác đáng

Lưu ý: Các vụ việc tham nhũng đã xác nhận không bao gồm những vụ việc tham nhũng vẫn đang trong quá trình điều tra trong kỳ báo cáo.

X

xung đột lợi ích (conflict of interest)

tình huống trong đó một người phải đối mặt với việc lựa chọn giữa các yêu cầu công việc của mình trong tổ chức và các lợi ích hoặc trách nhiệm cá nhân hoặc nghề nghiệp khác của người đó



PO Box 10039,
1001 EA Amsterdam,
The Netherlands

www.globalreporting.org